

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Châu Kim Ph** – sinh năm 1972

Địa chỉ: số 484/5, khóm Chòm Xoài, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Hoàng V** - sinh năm 1973

Địa chỉ số 484/5, khóm Chòm Xoài, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Châu Kim Ph và ông Lê Hoàng V.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Bà Châu Kim Ph và ông Lê Hoàng V thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 19/05/2000 đã thành niên, bà Ph và ông V không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Lê Quốc Th1, sinh ngày 04/7/2006 cho bà Châu Kim Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu Th1 đang sống cùng bà Ph); Bà Ph không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Hoàng V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.4. Về tài sản chung: Bà Châu Kim Ph và ông Lê Hoàng V thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Châu Kim Ph tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng.

Bà Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007380 ngày 08-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B; đối trừ án phí phải nộp, bà Phụng được hoàn lại 150.000 đồng.

2.6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tp. B;
- UBND phường (xã)
- nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc